

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT IRATHANE C-155HS CURING AGENT

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Xi lanh họ izoxyanat, hai thành phần.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy cơ về sức khỏe Kích ứng mắt loại 2 - H319 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373

Nguy cơ về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Biện pháp phòng ngừa	<p>P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc.</p> <p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P273 Tránh thải ra môi trường.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P314 Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp nếu cảm thấy không khỏe.</p>
Bao gồm	ETHYL ACETATE, DIETHYLMETHYLBENZENEDIAMINE

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Hỗn hợp chất

ETHYL ACETATE Số CAS: 141-78-6	60-100%
Phân loại Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H336	
DIETHYLMETHYLBENZENEDIAMINE Số CAS: 68479-98-1 Nhân tố M (cấp tính) = 1 Nhân tố M (mãn tính) = 1	10-30%
Phân loại Độc cấp tính loại 4 - H302 Độc cấp tính loại 4 - H312 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373 Cấp tính thủy sinh loại 1 - H400 Mãn tính thủy sinh loại 1 - H410	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Nuốt phải	Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Không cố nôn ra.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Rửa ngay với nhiều nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 10 phút. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Ghi chú cho bác sĩ Điều trị theo triệu chứng.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Sản phẩm độc của phản ứng cháy Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp trong suốt quá trình lau dọn tràn đổ trong các khu vực kín. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Tránh hoặc hạn chế tối đa việc tạo ra ô nhiễm môi trường. Tránh xả thải ra ống thoát nước hoặc kênh rạch hoặc mặt đất.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Đưa các chất liệu dễ cháy ra khỏi nơi tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Tránh làm đổ ra ngoài. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Đeo thiết bị bảo hộ phù hợp khi phơi nhiễm kéo dài và/hoặc ở nơi có nồng độ hơi, bụi nước, sương cao. Giẻ và khăn bị nhiễm hóa chất phải được cho vào thùng chứa chịu lửa để thải bỏ. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Tránh hít phải hơi. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Không lưu trữ gần các chất liệu sau: Axit. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thấm thấu của chất liệu làm găng. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Biện pháp vệ sinh cá nhân Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Rửa vào cuối mỗi ca làm việc và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.

Bảo vệ đường hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp rửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	Chất lỏng màu.
Màu sắc	Xám.
Mùi đặc trưng	Dung môi hữu cơ.
Độ pH	pH (dung dịch pha loãng): 7-8 5%
Điểm nóng chảy	Không xác định.
Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi	76.6°C @
Điểm cháy	-4.4°C TCC (Cốc kính Tag).
Tỷ lệ hóa hơi	>1 (diethyl ether = 1)
Giới hạn cháy, nổ trên/dưới	Giới hạn cháy/nổ trên: 11.5 Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.8
Áp suất hóa hơi	Không xác định.
Tỷ trọng hơi	>1

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Tỷ trọng tương đối 1.00 @ °C

Thông tin khác

Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 653 g/litre.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Các chất liệu sau có thể phản ứng với sản phẩm này: Axit. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ. Chất oxy hóa mạnh.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hại tiềm tàng nào được biết đến.
Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa mạnh.
Các vật liệu cần tránh	Chất oxy hóa mạnh. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ. Axit mạnh. Kim loại hoạt tính hóa học.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc cấp tính - qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 4.807,69

Độc cấp tính - qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 10.576,92

Đường thở	Hơi của sản phẩm này có thể gây nguy hại nếu hít phải. Hơi này có thể gây kích ứng cho họng/hệ hô hấp. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Ho. Khó thở. Hơi có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
Tiêu hóa	Nuốt phải hóa chất đậm đặc có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng. Nhưng triệu chứng về tiêu hóa, bao gồm việc dạ dày thấy khó chịu. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài có thể gây mẩn đỏ, kích ứng và khô da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng. Có thể gây bỏng mắt hóa chất. Hơi hoặc bụi nước có thể gây hủy hoại mắt, thị lực kém hoặc mù.
Đường phơi nhiễm	Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt
Cơ quan cụ thể	Mắt Da Hệ hô hấp, phổi

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Sản phẩm này không thể trộn lẫn với nước và có thể lan rộng trong hệ thống nước.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Không xác định.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương. Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương. Các vật liệu như giẻ lau và giấy lau bị nhiễm dung dịch dễ cháy có thể tự bốc cháy sau khi sử dụng và phải được lưu trữ trong các thùng chứa chịu lửa với nắp đậy chặt và tự động.

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1139

Số UN (IMDG) 1139

Số UN (ICAO) 1139

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

Tên phương tiện vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) COATING SOLUTION

Tên phương tiện vận chuyển (IMDG) COATING SOLUTION

Tên phương tiện vận chuyển (ICAO) COATING SOLUTION

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển



Quy cách đóng gói (nếu có)

IRATHANE C-155HS CURING AGENT

Quy cách đóng gói Đường bộ/Đường sắt II

Quy cách đóng gói IMDG II

Quy cách đóng gói ICAO II

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

EmS F-E, S-E

Số nhận dạng nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 33

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật

PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 6

Ngày thay thế 19/02/2021

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
 H302 Có hại nếu nuốt phải.
 H312 Có hại khi tiếp xúc với da.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
 H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
 H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
 H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
 H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.